

Số: /GPMT-CNCCN Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**(Cấp điều chỉnh lần thứ nhất)**

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;*

*Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Him Lam tại Văn bản số 112/2026/CV-HL ngày 06/05/2026, số 133/2026/CV-HL ngày 28/5/2026 về việc đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cơ sở: Hạ tầng kỹ thuật khu công viên công nghệ thông tin Hà Nội – Giai đoạn 1 và các tài liệu có liên quan;*

*Theo đề nghị của Phòng Xây dựng và Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 04/GPMT-BQL ngày 16/06/2023 của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (nay là Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội) đã cấp cho Công ty Cổ phần Him Lam (có địa chỉ trụ sở chính: Số 234 Ngõ Tắt Tó, phường

*Thanh Mỹ Tây, thành phố Hà Nội*), chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 04/GPMT-BQL ngày 16/06/2023 của Ban quản lý.

**Điều 2.** Công ty Cổ phần Him Lam tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 04/GPMT-BQL ngày 16/06/2023 của Ban quản lý và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) này.

**Điều 3.** Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường 04/GPMT-BQL ngày 16/06/2023 của Ban quản lý hết hiệu lực./.

**Nơi nhận:**

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Trương Việt Dũng (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Trưởng ban
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội
- UBND phường Long Biên (để ph/h);
- Phòng CS&TT (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Các phòng: HTĐT, QLDN;
- Công ty Cổ phần Him Lam;
- TTPVHCC (Chi nhánh 1) (để trả kết quả);
- Lưu: VT, XDMT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Đinh Trần Quân**

**Phụ lục**  
**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần thứ nhất) số..... /GPMT-CNCCN ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)*

**I. Bổ sung Bảng ngành, nghề thu hút đầu tư tại mục 1.5 Điều 1 Giấy phép môi trường số 04/GPMT-BQL ngày 16/6/2023 của Ban Quản lý như sau:**

<b>TT</b>	<b>Ngành nghề thu hút đầu tư</b>	<b>Mã ngành</b>
1	Hoạt động kinh doanh bất động sản	M68
2	Dịch vụ lưu trú	I55
3	Dịch vụ ăn uống	I56
4	Hoạt động viễn thông	K61
5	Lập trình máy tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động liên quan	K62
6	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	K63
7	Xử lý nước thải	E37002
8	Xây dựng các loại nhà	F41
9	Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng	F42

**II. Điều chỉnh, bổ sung các nội dung tại Phụ lục 1: Nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải như sau:**

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý:**

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải của siêu thị Aeon Mall được xử lý sơ bộ qua hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Aeon Mall Him Lam sau đó đưa qua ống HDPE D400mm, chôn sâu trung bình 0,5m, chiều dài 500m về hố ga C<sub>o</sub> (1,4x1,4m). Từ hố ga này, nước thải chảy theo đường ống HDPE DN400, dài 72,5m về cụm xử lý của Module 2 công suất 1800m<sup>3</sup>/ngày đêm của Hệ thống xử lý nước thải công suất 3.200m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Nước thải công nghiệp: Nước thải từ KCN Sài Đồng B sau khi được xử lý sơ bộ qua hệ thống cống thu gom nước thải (bê tông cốt thép, rộng 400mm, sâu bình quân 500mm, dài 2000m) dẫn về trạm trung chuyển nước thải (bê tông cốt thép, kích thước 6,9x3,8x5,4 (m), máy bơm tự động: công suất 120 m<sup>3</sup>/h) nước từ trạm trung chuyển qua ống HDPE D200, chiều dài 485m đến bể thu gom của module 1, công suất 1.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm của Hệ thống xử lý nước thải công suất 3.200m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Mạng lưới thoát nước thải: Nước thải sau khi qua Hệ thống xử lý nước thải tập trung tự chảy vào Hố ga chứa nước thải sau xử lý, sau đó được bơm cưỡng bức liên

tục theo đường ống dẫn HDPE DN200, L= 365,9m vào kênh dẫn nước (kích thước LxBxH= 4.4x2x2,8 (m)) có lắp đặt thiết bị quan trắc tự động rồi tự chảy sang hồ ga xả nước thải và thoát ra cống D1500 trên đường Nguyễn Ngọc Chân ra mương Nam Quốc lộ 5 chảy về sông Cầu Bậy.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ của Module 1 công suất 1.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

+ Nước thải từ KCN Sài Đồng B → Bể thu gom (V = 192 m<sup>3</sup>) → Bể tách dầu (V = 9,75 m<sup>3</sup>) → Bể điều hòa (V = 554,6 m<sup>3</sup>) → Bể trung hòa (V = 12,6 m<sup>3</sup>) → Bể keo tụ (V = 12,6 m<sup>3</sup>) → Bể tạo bông (V = 40,59 m<sup>3</sup>) → Bể lắng bùn hóa lý (V = 259,2 m<sup>3</sup>) → Bể Anoxic (V = 154,8 m<sup>3</sup>) → Bể Arotank A (V = 439,2 m<sup>3</sup>) → Bể Arotank B (V = 634,5 m<sup>3</sup>) → Bể lắng sinh học (V = 441,8m<sup>3</sup>) → Bể trung gian (V = 50,35 m<sup>3</sup>) → Lọc áp lực → Lọc tinh MF → Bể Khử trùng (chung với Module 02 - V = 56,28 m<sup>3</sup>) → Hồ ga chứa nước sau xử lý → Mương quan trắc online → Hồ ga xả thải → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Poly ferric sulfat [(Fe<sub>2</sub>(OH)<sub>n</sub>(SO<sub>4</sub>)<sub>3-n/2</sub>]<sub>3</sub> (Polytetsu), Polymer Anion Ap120C, NaOH, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, dinh dưỡng, kiềm cơ chất, Nito, Phospho, Javen.

- Tóm tắt quy trình công nghệ của Module 2 công suất 1.800 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

+ Nước thải từ Khu công viên CNTT Hà Nội (sau xử lý sơ bộ) → Hồ thu gom (V = 168 m<sup>3</sup>) → Máy tách rác tinh → Bể tách mỡ (V = 11,2 m<sup>3</sup>) → Bể điều hòa (V = 616,4 m<sup>3</sup>) → Bể Anoxic (V = 198,32 m<sup>3</sup>) → Bể Aerotank A (V = 375,2 m<sup>3</sup>) → Bể Aerotank B (V = 375,2 m<sup>3</sup>) → Bể lắng (V = 424,36 m<sup>3</sup>) → Bể trung gian (V = 89,5 m<sup>3</sup>) → Lọc áp lực → Lọc tinh MF → Bể Khử trùng (V = 56,28 m<sup>3</sup>) → Hồ ga chứa nước thải sau xử lý → Mương quan trắc online → Hồ ga xả thải → Nguồn tiếp nhận”.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Kiềm, cơ chất.

### 1.3. Hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động

- Vị trí lắp đặt kênh: Kênh nước bên cạnh Hồ ga xả nước thải sau xử lý thuộc ô đất HH trong quy hoạch.

### 1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu:

\* Đối với Module 1 xử lý nước thải công nghiệp công suất 1.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5-9
4	BOD <sub>5</sub> (20 °C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150

6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7	As	mg/l	0,1
8	Hg	mg/l	0,01
9	Pb	mg/l	0,5
10	Cd	mg/l	0,1
11	Cr (VI)	mg/l	0,1
12	Cr (III)	mg/l	1
13	Cu	mg/l	2
14	Zn	mg/l	3
15	Ni	mg/l	0,5
16	Mn	mg/l	1
17	Fe	mg/l	5
18	Tổng Xyanua	mg/l	0,1
19	Tổng Phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	F <sup>-</sup>	mg/l	10
23	NH <sub>4</sub> -N	mg/l	10
24	Tổng Nito	mg/l	40
25	Tổng Phốt pho	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1.000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	1
30	PCBs	mg/l	0,01
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0

\* Đối với Module 2 xử lý nước thải sinh hoạt công suất 1.800 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20 °C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.000
5	Sulfua (Tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4.0
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (Tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/l	10
11	Tổng Coliform	mg/l	5.000

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải công suất 3.200m<sup>3</sup>/ngày đêm gồm 02 module:

- Module 1 công suất 1.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Module 2 công suất 1.800 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu: Tại miệng đường ống chảy vào hố ga thoát nước thải trước khi chảy ra ngoài môi trường.

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của các thông số:

Nước thải sau xử lý của Hệ thống xử lý nước thải công suất 3.200m<sup>3</sup>/ngày đêm đảm bảo các thông số và giá trị giới hạn của các thông số nêu tại mục 2.3.3 phần A, Phụ lục I Giấy phép môi trường số 04/GPMT-BQL ngày 16/06/2023.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm b Khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Điều 14 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.4. Các yêu cầu trong quá trình vận hành thử nghiệm:

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành các công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7,8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và khoản 3,4 Điều 11 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

- Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp Hà Nội trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

## **II. Điều chỉnh Phụ lục 2: Nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải như sau:**

### **A. Nội dung cấp phép xả khí thải**

#### **2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

- Vị trí xả khí thải: tại ống phóng không sau hệ thống xử lý mùi của Trạm xử lý nước thải tập trung.

Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2 325 670; Y = 593 394

*(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>)*

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 4.200.m<sup>3</sup>/h

### **B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:**

Khí thải phát sinh từ các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải được theo đường ống thu khí kích thước D400 nhờ quạt hút công suất thiết kế 4.200 m<sup>3</sup>/h vào hệ thống xử lý khí thải công suất 4.200 m<sup>3</sup>/h. Khí sạch sau xử lý được thoát ra ngoài qua 01 ống thoát khí thải DN400 lên mái nhà điều hành trạm XLNT.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.**

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải công suất thiết kế 4.200 m<sup>3</sup>/h: Khí thải → Quạt hút (công suất 4.200 m<sup>3</sup>/h) → Ống dẫn khí D400 → Tháp hấp thụ (KT: D x H = 1400 x 2500mm) → Tháp hấp phụ (D x H = 1400 x 2500mm) → Ống thoát khí (DN 400) → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 4.200 m<sup>3</sup>/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH 32%, Than hoạt tính.

## **III. Điều chỉnh Phụ lục 3: Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường như sau:**

### **A. Nội dung về cấp phép tiếng ồn, độ rung:**

#### **2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Từ các máy thổi khí, máy bơm và các thiết bị được lắp đặt tại Trạm xử lý nước thải tập trung.

Tọa độ: X = 2 325 667; Y = 593 396

*(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>)*

**IV. Điều chỉnh phụ lục 4: Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường như sau:**

**A. Quản lý chất thải:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

**2.1. 2. Kho lưu chứa:**

- Diện tích kho lưu chứa: 15 m<sup>2</sup>.
- Vị trí kho: Kho chứa CTNH được đặt gần phía công vận chuyển CTNH của Cơ sở thuộc ô đất TXL trong quy hoạch tổng mặt bằng.